

Số: 100/2022/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 26 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị Hồng A**, sinh năm: 1996.

Nơi cư trú: Số nhà 72, tổ 15 (tổ 22 cũ), phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: Thôn T (Đội 17 cũ), xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Vũ Ca T** – Sinh năm 1969 và bà **Lê Thị Minh L** - Sinh năm 1967

Nơi cư trú: Số nhà 72, tổ 15 (tổ 22 cũ), phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Vũ Thị Hồng A và anh Bùi Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vũ Thị Hồng A và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

Chị Hồng A và anh T không có con chung. Chị Hồng A có một con riêng là cháu Hà Khánh L sinh ngày 09/9/2014, anh T có một con riêng là cháu Bùi Thảo N sinh ngày 14/12/2016. Chị Hồng A và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con riêng.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Chị Hồng A và anh T thỏa thuận chia tài sản chung, nợ phải trả của hai vợ chồng theo biên bản thỏa thuận ngày 01/8/2022 và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận vào Quyết định cụ thể như sau:

2.3.1 Tài sản chung: nhẵn

2.3.1.1. Anh Bùi Văn T được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng:

- 01 chiếc xe mô tô hiệu HONDA loại xe FUTURE 125 FI 2022, Biển kiểm soát 27 B2 – 320.31 có giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 27027531 mang tên Bùi Văn T, có giá trị là 34.000.000 đồng.

- Chị Hồng A có trách nhiệm trả lại 1,5 chỉ vàng cho anh T vào ngày Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Chị Hồng A đã trả cho anh T 1,5 chỉ vàng vào ngày 18/8/2022.

2.3.1.2. Anh T có trách nhiệm thanh toán cho chị Vũ Thị Hồng A một nửa giá trị chiếc xe mô tô là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng). Ngày 18/8/2022 anh T đã thanh toán đủ số tiền 17.000.000 đồng cho chị Hồng A.

2.3.2. Nợ phải trả: Chị Vũ Thị Hồng A có trách nhiệm trả số tiền 3.000.000 đồng không tính lãi suất cho ông Vũ Ca T – Sinh năm 1969 và bà Lê Thị Minh L – Sinh năm 1967– Địa chỉ: Số nhà 72, tổ 15 (tổ 22 cũ), phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, không liên quan gì đến anh Bùi Văn T. Ngày 18/8/2022 chị Hồng A đã trả đủ số tiền 3.000.000 đồng cho ông T và bà L.

2.3.3. Tài sản riêng, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a, điểm d Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Hồng A và anh T không phải chịu án phí DSST đối với việc phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ; chị Hồng A và anh T mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí DSST; chị Hồng A tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Chị Hồng A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm). Chị Hồng A được hoàn trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST không có giá ngạch và 1.353.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST có giá ngạch theo biên lai số: 0004961 ngày 27/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự bảo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã T, huyện Đ (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Kế toán (để biết);
- Dương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích HP;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Yên